

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06/2021/KDTM-PT**

Ngày 05- 05 - 2021

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hồ Văn Phụng.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Dũ.

Ông Nguyễn Hoàng Thành.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Trung An - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng:** Ông Nguyễn Minh Trí - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 26 tháng 04 và ngày 05 tháng 05 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2020/TLPT-KDTM ngày 26 tháng 8 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2020/KDTM-ST ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố X bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2021/QĐ-PT ngày 08 tháng 03 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 08/2020/QĐPT-KDTM, ngày 26 tháng 03 năm 2021 và Thông báo dời phiên tòa phúc thẩm số 335/2021/TB-TA ngày 09/04/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý tài sản T (sau đây gọi tắt là Công ty Quản lý tài sản T – V). Địa chỉ: Số xx, đường x, phường x, quận x, thành phố X.

*Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Công ty Quản lý tài sản:* Ngân hàng N (sau đây gọi tắt là Ngân hàng N - Ngân hàng N ). Địa chỉ: Số xx, đường x, phường x, quận x, thành phố X.

*Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng N:* Ông Phan Văn B, Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng. Địa chỉ: Số xx, đường x, phường x, thành phố x, tỉnh Sóc Trăng. (Là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 27/12/2019 của Ngân hàng N) (vắng mặt)

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Phan Văn B:* Bà Dương Thị Phụng N, Chức vụ: Cán bộ pháp chế của Ngân hàng N - Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng. Địa chỉ: Số

xx, đường x, phường x, thành phố x, tỉnh Sóc Trăng. (Là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền lại ngày 13/02/2020 của Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng) (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Lê Tuấn K (vắng mặt) và Luật sư Nguyễn Huy K (có mặt), thuộc Văn phòng Luật sư L. Địa chỉ số: yy đường yy, phường yy, quận yy, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn*: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên NT (sau đây gọi tắt là Công ty NT). Địa chỉ: Ấp zz, thị trấn zz, huyện zz, tỉnh Sóc Trăng.

*Người đại diện hợp pháp của Công ty NT:*

Ông Đỗ Ngọc Q, Chức vụ: Giám đốc Công ty NT. Địa chỉ: Ấp zz, thị trấn zz, huyện zz, tỉnh Sóc Trăng. (Là người đại diện theo pháp luật) (vắng mặt)

Ông Lê Bá T, sinh năm 1989. Địa chỉ: Số a, đường a, phường a, thành phố x, tỉnh Sóc Trăng. (Là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 20/4/2020 của Công ty NT) (có mặt)

Ông Trần Chí N, sinh năm 1994. Địa chỉ: Số bb, đường T, phường T, Quận T, thành phố Hồ Chí Minh. (Là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 20/4/2020 của Công ty NT) (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Hải V, thuộc Văn phòng Luật sư hợp Danh Đ. Địa chỉ số: Số bb, đường T, phường T, Quận T, thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Công ty Trách nhiệm hữu hạn KA (sau đây gọi tắt là Công ty KA). Địa chỉ: Số c, đường c, phường c, thành phố x, tỉnh Sóc Trăng.

*Người đại diện hợp pháp của Công ty KA:*

Ông Đỗ Ngọc Q, Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty KA. Địa chỉ: Số c, đường c, phường c, thành phố x, tỉnh Sóc Trăng. (Là người đại diện theo pháp luật) (vắng mặt)

Ông Lê Bá T, sinh năm 1989. Địa chỉ: Số a, đường a, phường a, thành phố x, tỉnh Sóc Trăng. (Là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 18/7/2019 của Công ty KA) (có mặt)

- Người kháng cáo: Công ty NT là bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- *Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/5/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty Quản lý tài sản T (VAMC) do Ngân hàng N (Ngân hàng N) là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng trình bày*: Từ năm 2014 do có nhu cầu vay vốn để bổ sung vốn lưu động thu mua nguyên liệu, phục vụ kinh doanh,

chế biến thủy sản sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa Công ty NT có vay vốn tại Ngân hàng N - Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng theo hợp đồng tín dụng số 689/HĐTD ngày 11/4/2014, vay theo hạn mức 40 tỷ, thời hạn vay 12 tháng. Đến ngày 12/8/2014 ký phụ lục 01 điều chỉnh hạn mức tín dụng 59 tỷ; ngày 27/11/2014 ký phụ lục 02 điều chỉnh kỳ hạn trả nợ đến ngày 22/3/2016; ngày 15/9/2015 ký phụ lục 03 để điều chỉnh kỳ hạn trả nợ đến tháng 3/2018, lãi suất trong hạn là 3,0%/năm, lãi quá hạn là 3,9%/năm; mục đích vay, bổ sung vốn thu mua nguyên liệu phục vụ kinh doanh, chế biến thủy sản sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa. Thực hiện hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty NT số tiền vay 2,656,100.00USD thể hiện qua các giấy nhận nợ: Số 1330/GNN, ngày 04/6/2014; số 1307/GNN, ngày 28/5/2014; số 1367/GNN, ngày 04/6/2014; số 1368/GNN, ngày 04/6/2014; số 1394/GNN, ngày 06/6/2014; số 1420/GNN, ngày 09/6/2014; số 1461/GNN, ngày 11/6/2014; số 1462/GNN, ngày 12/6/2014; số 1505/GNN, ngày 17/6/2014; số 1506/GNN, ngày 17/6/2014; số 1518/GNN, ngày 18/6/2014; số 1623/GNN, ngày 25/6/2014; số 1646/GNN, ngày 26/6/2014; số 1664/GNN, ngày 30/6/2014; số 1711/GNN, ngày 04/7/2014; số 1717/GNN, ngày 04/7/2014; số 1738/GNN, ngày 07/7/2014; số 1441/GNN, ngày 10/6/2014; số 2385/GNN, ngày 18/9/2014; số 2311/GNN, ngày 05/9/2014; số 2396/GNN, ngày 19/9/2014; số 2397/GNN, ngày 19/9/2014; số 2463/GNN, ngày 22/9/2014;

Để đảm bảo cho khoản vay trên, Công ty NT dùng tài sản của mình và tài sản của bên thứ ba để thế chấp, trong đó có 51 tỷ đồng được bảo đảm bằng tài sản của 03 hợp đồng thế chấp và 8 tỷ đồng không có bảo đảm bằng tài sản, 03 hợp đồng thế chấp gồm các tài sản sau:

- Hợp đồng thế chấp số 1286/HĐTC ngày 12/6/2014 + Phụ lục 01 ngày 25/2/2015 được ký kết giữa Công ty NT với Ngân hàng, tài sản thế chấp là tài sản gắn liền trên đất gồm:

- + Nhà xưởng Công ty NT, địa chỉ: Ấp zz, thị trấn zz, huyện zz, tỉnh Sóc Trăng.

- + Hệ thống Panel kho lạnh được lắp đặt tại Công ty NT.

Các tài sản trên được gắn liền với Giấy chứng nhận quyền sử dụng (CNQSD) đất số X410158 do Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 23/4/2004. Tuy nhiên, ngày 27/6/2007 UBND tỉnh Sóc Trăng đã ban hành quyết định số 92/QĐ-UBND thu hồi 7.281m<sup>2</sup> đã cho Công ty KA thuê và giao cho Công ty NT thuê theo hợp đồng thuê đất số 07/HĐTD ngày 09/8/2007. Đến ngày 20/9/2007 Công ty NT được UBND tỉnh Sóc Trăng cấp giấy CNQSD đất số AK 902015. Do đây là đất thuê nên không có thế chấp đất, chỉ thế chấp tài sản gắn liền trên đất.

- Hợp đồng thế chấp số 1287/HĐTC ngày 28/5/2014 được ký giữa Công ty KA với Ngân hàng. + Phụ lục số 01 ngày 25/02/2015 của hợp đồng thế chấp của bên thứ ba (kèm theo hợp đồng thế chấp số 1287/HĐTC ngày 28/5/2014) + Danh mục tài sản thế chấp (đính kèm theo HĐTC tài sản của bên thứ ba số 1287/HĐTC và biên bản xác định giá trị tài sản số 1287A/BBĐG ngày 28/5/2014).

Tài sản thể chấp là hệ thống máy móc thiết bị của Công ty KA hiện đặt tại ấp zz, thị trấn zz, huyện zz, tỉnh Sóc Trăng, danh mục thiết bị theo hợp đồng thể chấp đính kèm là: (có hóa đơn chứng từ mua hàng kèm theo)

STT	Hạng mục	Đvt	Số lượng	Chi tiết kỹ thuật
1	<b>Dãy kệ thép chứa hàng</b>	Bộ	51	- Thép không rỉ
2	<b>Băng chuyền phẳng IQF</b>	Bộ	3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hầm đông: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Kích thước (mm): 16.000 x 2.800 x 3.000 (D x R x C).</li> <li>+ Hai mặt trong ngoài bằng inox dày 0.8 mm, đáy hầm gia cố lớp inox dày 0.2 mm; trần đáy, vách làm thành tấm panel ghép với nhau bằng móc khóa camlock.</li> <li>+ Cửa hầm: 02 cái, kích thước (R x C) 900 x 1.800 (mm); hai mặt trong bằng inox dày 0.8 mm</li> </ul> </li> <li>- Bộ băng chuyền: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Băng tải là loại lưới inox, kích thước: 19.400 x 1.219 (D x R).</li> <li>+ Moteur và giảm tốc kéo băng 1,5HP (Đức), biến tần điều khiển tốc độ do hãng DANTECH sản xuất.</li> <li>+ Moteur và giảm tốc kéo rung (Singapore), biến tần điều khiển mức độ rung do hãng DANTECH sản xuất.</li> <li>+ Khung băng chuyền được làm bằng inox</li> </ul> </li> <li>- Dàn lạnh: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Kích thước: 4.400 x 1.200 x 600 (D x R x C)</li> <li>+ Công suất: 38.000 Kcal/giờ</li> <li>+ Moteur và cánh quạt: 2,5 HP, biến tần điều khiển tốc độ do hãng DANTECH sản xuất.</li> <li>+ Khung và vách bao che bằng inox.</li> </ul> </li> </ul>
3	<b>Tủ cấp đông-1000kg (vỏ tủ đông)</b>	Cái	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vỏ tủ đông: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Kích thước: 3900 x 1500 x 1750 mm</li> <li>+ Trong ngoài bọc inox, khung tủ làm bằng sắt U</li> <li>+ Công suất thiết kế 1000kg/mẻ</li> <li>+ Công suất thực tế 777kg/mẻ</li> <li>+ 432 khay loại nhôm 1,8kg</li> <li>+ Đồng hồ nhiệt (Đức)</li> </ul> </li> <li>- Tủ lạnh: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Kích thước: 2600 x 1300</li> <li>+ 10 vỉ, sử dụng 9 vỉ</li> </ul> </li> </ul>

				+ Bơm cấp dịch
4	Máy phát điện AKSA	Máy	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Model: ACQ1130</li> <li>- Hãng sản xuất: Mỹ</li> <li>- Động cơ: Cummins QST30-G4</li> <li>- Công suất (KVA): 1130</li> <li>- Tần số (Hz): 50HZ</li> <li>- Tốc độ (vòng/phút): 1500</li> <li>- Số pha: 3 pha - 4 dây</li> <li>- Điện áp: 230/400V</li> <li>- Kích thước: 446 x 176 x 231</li> <li>- Trọng lượng: 7910</li> </ul>
5	Máy đá vảy (Flake Ice Maker)	Cái	4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Model: FI-15</li> <li>- Công suất: 15 tấn/ngày</li> <li>- Chất lạnh: NH3</li> <li>- Nguồn điện: 380V/3pha/50HZ</li> <li>- Xuất xứ: Đài Loan</li> </ul>
6	Hệ thống lạnh nhà máy cá (LC0013)	Bộ	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiết bị chính của hệ thống lạnh trung tâm</li> <li>+ Dàn lạnh hiệu York</li> <li>+ Model: TLCW 45 (Thái Lan)</li> <li>+ Máy nén lạnh</li> <li>+ Thiết bị ngưng tụ</li> <li>+ Thiết bị tách khí không ngưng tự động</li> <li>+ Bơm dịch</li> <li>+ Các thiết bị bình áp lực</li> <li>+ Hệ thống nước giải nhiệt cho dầu các máy nén và xả băng</li> <li>+ Tháp giải nhiệt</li> <li>+ Bơm nước giải nhiệt</li> <li>+ Bơm nước xả băng</li> <li>+ Van và các thiết bị điều khiển cho toàn bộ hệ thống</li> <li>+ Tủ điều khiển trung tâm cho toàn bộ hệ thống</li> <li>+ Vật liệu điện và phụ kiện</li> <li>+ Vật liệu đường ống</li> <li>+ Cách nhiệt hệ thống</li> <li>+ Ga và dầu lạnh</li> <li>+ Phụ kiện lắp đặt</li> <li>- Các thiết bị phụ tải lạnh của hệ thống</li> <li>+ Dây chuyền cấp đông IQF</li> <li>+ Kho lạnh</li> <li>+ Tủ đông tiếp xúc</li> <li>+ Tủ đông gió</li> <li>+ Máy đá vảy</li> </ul>
7	Hệ thống bình bầu-	Bộ	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bình thấp áp -44 độ C (1500 x 2500)</li> <li>- Bình thấp áp -33 độ C (1500 x 2500)</li> </ul>

	<b>81234703-A</b>			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bình trung gian 44 độ C (1500 x 2000)</li> <li>- Bình trung gian 33 độ C (1067 x 2000)</li> <li>- Bình surge drun (1067 x 2000)</li> <li>- Bình chứa cao áp (1250 x 2500)</li> <li>- Bình oil pot (273 x 380)</li> </ul>
<b>8</b>	<b>ĐDTT 3 pha 22KV dài 39m-Lắp mới TBA 1600KV &amp; TBA 800KV</b>	Bộ	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thi công ĐDTT 3 pha 22KV dài 39m</li> <li>- Lắp mới TBA 1600KV &amp; TBA 800 KV</li> </ul>
<b>9</b>	<b>Tủ điện</b>	Bộ	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Aptomat</li> <li>- Contactor</li> <li>- Role nhiệt</li> <li>- Đồng hồ A+ biến dòng</li> <li>- Role kiếng</li> <li>- Công tắc đồng hồ 220 - 240 V</li> </ul>
<b>10</b>	<b>Hệ thống máy điều hòa</b>	Bộ	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bơm Pentax 7,5HP (Italy)</li> <li>- Nhớt Clavus 68</li> <li>- Gas NH3</li> <li>- Bộ điều khiển nhiệt độ tự động EKC 201</li> </ul>
<b>11</b>	<b>Hệ thống tải chế biến</b>	Bộ	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm mua và đưa vào sử dụng 2006</li> <li>- Xuất xứ: Việt Nam</li> <li>- Kích thước máy nạp liệu (238,4 x 76 x 104)cm</li> <li>- Motor kéo băng tôm đã lột 0,37 Kw</li> <li>- Motor kéo băng tôm nguyên liệu 0,75 Kw</li> <li>- Vật liệu: Inox</li> </ul>
<b>12</b>	<b>Tủ tái đông</b>	Cái	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Motor 3HP</li> <li>- Cánh quạt nhôm</li> <li>- Contactor 3P 150A-LCID150M7</li> <li>- Thép không rỉ</li> </ul>
<b>13</b>	<b>Hệ thống phân cỡ, kết nối đưa dữ liệu vào máy tính</b>	Bộ	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cân điện tử model: KW9765DW2A</li> <li>- Serial: 4600061847-07Y</li> <li>- Bộ phận gạt model: KW4127SW</li> <li>- Serial: 4600061851-07Y</li> <li>- Bộ phận nạp model: 829H194660A</li> <li>- Serial: 4600061856-07Y</li> </ul>
<b>14</b>	<b>Hệ thống phân cỡ kèm phụ kiện</b>	Bộ	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cân điện tử model: KW9765DW2A</li> <li>- Serial: 4600055970</li> <li>- Serial: 4600055971</li> <li>- Bộ phận gạt model: KW4127SW</li> <li>- Serial: 4600055973</li> <li>- Serial: 4600055974</li> <li>- Bộ phận gạt model: 829H194660A</li> </ul>

				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Serial: 4600055976</li> <li>- Serial: 4600055977</li> </ul>
15	Hệ thống phân cỡ kèm phụ tùng	Bộ	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cân điện tử model: KW9765DW2A</li> <li>- Bộ phận gạt model: KW4127SW</li> <li>- Bộ phận gạt model: 829H194660A</li> </ul>
16	Hệ thống phân cỡ kèm phụ tùng	Bộ	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cân điện tử model: KW9765DW2A</li> <li>- Bộ phận gạt model: KW4127SW</li> <li>- Bộ phận gạt model: 829H194660A</li> </ul>
17	Hệ thống phân cỡ kèm phụ tùng	Bộ	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cân điện tử model: KW9765DW2A</li> <li>- Bộ phận gạt model: KW4127SW</li> <li>- Bộ phận gạt model: 829H194660A</li> </ul>
18	Máy thổi khí	Cái	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Model: TSR2-150</li> <li>- Phụ kiện đi kèm: van 1 chiều, ống giảm thanh, đồng hồ, puli, khung đế</li> </ul>
19	Xe nâng Reach truck điện	Chiếc	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Model: 8FBR15TX</li> <li>- Tải trọng: 1.500kg (tâm tải 500 mm)</li> <li>- Nâng cao: 5.420 mm (3tầng nâng FFL), 1200 kg tại độ cao 5.420 mm</li> <li>- Chiều dài càng nâng: 1070mm</li> <li>- Độ rộng tổng quát: 1100 mm</li> <li>- Bình điện: 48V/280AH - 5Hrs GS Yuasa</li> <li>- Bộ sạc tiêu chuẩn Shinko, Nhật Bản</li> <li>- Vỏ xe: Bánh xe tiêu chuẩn (Urethane, cao su đặc)</li> <li>- Xuất xứ: Nhật Bản</li> </ul>
20	Băng tải chuyên cá	Bộ	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm lắp đặt và đưa vào sử dụng: 2008</li> <li>- Xuất xứ: Việt Nam</li> <li>- Nhãn hiệu: Việt Nam</li> <li>- Vật liệu: Inox</li> <li>- Kích thước: (10200x 1200 x 500)mm</li> <li>- Kích thước mặt băng: 300 mm</li> <li>- Mặt băng tole dày 12 ly có kích thước (1000 x 350) mm</li> <li>- Motor: 0,75 Kw</li> </ul>
21	Băng tải chuyên rửa cá	Bộ	10	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Motor giảm tốc 3hp, 1/30, 380V (Nhật Bản)</li> </ul>
22	Hệ thống xử lý nước	Bộ	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bơm nước 7,5HP (Italy), 3x380V, Q&gt;10mg</li> <li>- Model: MD 65125/5,5</li> <li>- Motor giảm tốc 1HP (1/25) 3Q 220/380V</li> <li>- Ray mực nước</li> <li>- Bộ nguồn, còi 12 V</li> </ul>

- Hợp đồng thế chấp số 1469/HĐTC ngày 12/6/2014 được ký giữa **Công ty NT** với Ngân hàng. Tài sản thế chấp là toàn bộ hàng hóa (tôm đông lạnh các loại) bao

gồm: Hàng hóa tồn kho nguyên liệu, hàng hóa đang trong quá trình chế biến, hàng hóa tồn kho thành phẩm, hàng hóa ký gửi, hàng hóa đang đi trên đường của Công ty NT, địa chỉ ấp zz, thị trấn zz, huyện zz, tỉnh Sóc Trăng. Nhưng đến ngày 05/9/2014 giữa các bên đã ký phụ lục số 01 xác định lại tài sản thế chấp chỉ là hàng hóa tồn kho luân chuyển bao gồm tôm đông lạnh các loại với số lượng là 209.850 kg giá trị tài sản là 56.751.000.000đồng.

Trong thời gian thực hiện hợp đồng tín dụng do Công ty NT gặp khó khăn nên không có khả năng trả nợ, từ khi vay đến nay Công ty NT chưa trả vốn gốc cho Ngân hàng, đã đóng lãi đến ngày 16/4/2016 thì ngưng cho đến nay. Công ty NT cam kết nhiều lần nhưng không trả dẫn đến phát sinh nợ xấu. Thực hiện theo chủ trương của Ngân hàng Nhà nước và quy định của Ngân hàng N thì Ngân hàng N đã bán khoản nợ của Công ty NT theo hợp đồng bán nợ số 5149/2016/MBN.VAMC1-NGÂN HÀNG N ngày 26/12/2016 cho Công ty Quản lý tài sản T và Công ty Quản lý tài sản T đã ủy quyền cho Ngân hàng N - Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng toàn quyền và nghĩa vụ của chủ nợ. Đến ngày 17/9/2018 Công ty Quản lý tài sản T đã bán nợ lại cho Ngân hàng N theo hợp đồng mua bán nợ số 3096/2018/BN.VAMC1- NGÂN HÀNG N . Theo quy định tại hợp đồng tín dụng và hợp đồng mua bán nợ nêu trên nếu bên vay vi phạm các cam kết thì chủ nợ có quyền khởi kiện.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc Công ty NT trả nợ gốc và lãi phát sinh tại tín dụng số 689/HĐTD ngày 11/4/2014, phụ lục hợp đồng số 01 ngày 12/8/2014; phụ lục 02 ngày 27/11/2014; phụ lục 03 ngày 15/9/2015 cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn là Ngân hàng N tạm tính đến ngày 07/7/2020 là tiền gốc: 2,656,100.00USD; lãi trong hạn 401,209.51USD; lãi quá hạn: 87,535.63USD quy đổi ra Việt Nam đồng (tỷ giá 23.210) bằng tiền gốc 61.648.081.000đồng, lãi trong hạn 9.312.072.727đồng, lãi quá hạn 2.031.701.972đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 72.991.855.699đồng và tiền lãi phát sinh đến ngày trả tất nợ gốc.

2. Trường hợp Công ty NT không trả nợ đề nghị Tòa án tuyên xử lý các tài sản thế chấp nêu trên để nguyên đơn thu hồi nợ. Tuy nhiên, do Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ nhiều lần nhưng Công ty NT không tạo điều kiện để Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ. Nếu Công ty NT không thực hiện việc trả nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản đã thế chấp theo 03 hợp đồng thế chấp:

- Hợp đồng thế chấp số 1286/HĐTC ngày 12/6/2014 + Phụ lục 01 ngày 25/2/2015 được ký kết giữa Công ty NT với Ngân hàng, tài sản thế chấp là tài sản gắn liền trên đất gồm:

- + Nhà xưởng Công ty NT, địa chỉ Ấp zz, thị trấn zz, huyện zz, tỉnh Sóc Trăng.
- + Hệ thống Panel kho lạnh được lắp đặt tại Công ty NT.

Các tài sản trên được gắn liền với giấy CNQSD đất số AK 902015 do UBND tỉnh Sóc Trăng cấp cho Công ty NT ngày 20/9/2007. Do đây là đất thuê nên không có thế chấp đất, chỉ thế chấp tài sản gắn liền trên đất nên không yêu cầu xử lý phát mãi quyền sử dụng đất.



- Hợp đồng thế chấp số 1287/HĐTC ngày 28/5/2014 được ký giữa Công ty KA với Ngân hàng. + Phụ lục số 01 ngày 25/02/2015 của hợp đồng thế chấp của bên thứ ba (kèm theo hợp đồng thế chấp số 1287/HĐTC ngày 28/5/2014) + Danh mục tài sản thế chấp (đính kèm theo HĐTC tài sản của bên thứ ba số 1287/HĐTC và biên bản xác định giá trị tài sản số 1287A/BBĐG ngày 28/5/2014).

Tài sản thế chấp là hệ thống máy móc thiết bị của Công ty KA hiện đặt tại ấp zz, thị trấn zz, huyện zz, tỉnh Sóc Trăng., danh mục thiết bị theo hợp đồng thế chấp đính kèm như phần trình bày ở trên.

- Hợp đồng thế chấp số 1469/HĐTC ngày 12/6/2014 được ký giữa Công ty NT với Ngân hàng. Tài sản thế chấp là toàn bộ hàng hóa (tôm đông lạnh các loại) bao gồm: Hàng hóa tồn kho nguyên liệu, hàng hóa đang trong quá trình chế biến, hàng hóa tồn kho thành phẩm, hàng hóa ký gửi, hàng hóa đang đi trên đường của Công ty NT, địa chỉ Ấp zz, thị trấn zz, huyện zz, tỉnh Sóc Trăng. Nhưng đến ngày 05/9/2014 giữa các bên đã ký phụ lục số 01 xác định lại tài sản thế chấp chỉ là hàng hóa tồn kho luân chuyển bao gồm tôm đông lạnh các loại với số lượng là 209.850kg giá trị tài sản là 56.751.000.000đồng. Đối với các tài sản thế chấp này thì do Công ty NT thừa nhận đã tự ý bán để trả các khoản nợ cho người nông dân, đại lý cung cấp tôm không thông báo cho Ngân hàng. Nay nguyên đơn yêu cầu Công ty NT, Công ty KA khác là tài sản cụ thể và có giá trị tương đương với giá trị tài sản thế chấp 56.751.000.000đồng thay thế tài sản thế chấp bị bán để phát mãi cho Ngân hàng thu hồi nợ.

- Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn **Công ty NT** trình bày: Công ty NT thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng số 689/HĐTD ngày 11/4/2014 vay theo hạn mức 40 tỷ, thời hạn vay 12 tháng; ngày 12/8/2014 ký phụ lục 01 điều chỉnh hạn mức tín dụng 59 tỷ; ngày 27/11/2014 ký phụ lục 02 điều chỉnh kỳ hạn trả nợ đến ngày 22/3/2016; ngày 15/9/2015 ký phụ lục 03 để điều chỉnh kỳ hạn trả nợ đến tháng 3/2018 và Công ty NT đã nhận đủ số tiền 2,656,100.00USD theo các giấy nhận nợ nêu trên như nguyên đơn trình bày là đúng, lãi suất cho vay là 3,0%/năm, lãi quá hạn bằng 3,9%/năm. Mục đích vay, bổ sung vốn thu mua nguyên liệu phục vụ kinh doanh, chế biến thủy sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa. Sau khi vay Công ty NT chưa trả được số tiền vốn gốc nào cho Ngân hàng, đã trả lãi đến ngày 16/4/2016 thì ngưng cho đến nay. Cụ thể tính đến ngày 14/02/2020 Công ty NT còn nợ Ngân hàng số tiền gốc: 2,656,100.00USD; lãi trong hạn 363.766.76USD; lãi quá hạn: 74.379.43USD quy đổi ra Việt Nam đồng (tỷ giá 23.230) bằng tiền gốc 61.701.203.000đồng, lãi trong hạn 8.450.301.761đồng, lãi quá hạn 1.727.834.143đồng, tổng cộng gốc và lãi là 71.879.338.905đồng như nguyên đơn trình bày là đúng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, Công ty NT dùng tài sản của mình và tài sản của bên thứ ba là Công ty KA để thế chấp, trong đó có 51 tỷ đồng được bảo đảm bằng tài sản của 03 hợp đồng thế chấp và 8 tỷ đồng không có bảo đảm bằng tài sản, 03 hợp đồng thế chấp, phụ lục hợp đồng thế chấp như đại diện nguyên đơn bà Nhi trình bày là đúng. Công ty NT xác định các tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 1286/HĐTC ngày 12/6/2014 + Phụ lục 01 ngày 25/02/2015 và Hợp đồng thế chấp số 1287/HĐTC ngày 28/5/2014 + Phụ lục số 01 ngày 25/02/2015 + Danh mục tài sản

thế chấp (đính kèm theo HĐTC tài sản của bên thứ ba số 1287/HĐTC và biên bản xác định giá trị tài sản số 1287A/BBĐG ngày 28/5/2014) hiện nay vẫn còn nguyên vẹn, không có gì thay đổi so với thời điểm ký hợp đồng và phụ lục hợp đồng. Riêng Hợp đồng thế chấp số 1469/HĐTC ngày 12/6/2014 được ký giữa Công ty NT với Ngân hàng + Phụ lục 01 ngày 05/9/2014 là hàng hóa tồn kho luân chuyển bao gồm tôm đông lạnh các loại với số lượng là 209.850kg giá trị tài sản là 56.751.000.000đồng thì do đây là hàng hóa tồn kho luân chuyển bao gồm tôm đông lạnh các loại nên Công ty NT đang hoạt động kinh doanh nên về số lượng luôn thay đổi, Công ty NT đã bán để trả nợ cho nông dân và các đại lý cung cấp nguyên liệu, số hàng còn lại kém chất lượng và hư hỏng nhiều hiện nay không còn. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty NT có ý kiến như sau:

Công ty NT đồng ý trả toàn bộ số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 14/02/2020 là: 2,656,100.00USD; lãi trong hạn 363.766.76USD; lãi quá hạn: 74.379.43USD quy đổi ra Việt Nam đồng (tỷ giá 23.230) bằng tiền gốc 61.701.203.000đồng, lãi trong hạn 8.450.301.761đồng, lãi quá hạn 1.727.834.143đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 71.879.338.905đồng và tiền lãi phát sinh đến ngày trả tất nợ gốc cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của nguyên đơn là Ngân hàng N theo hợp đồng tín dụng số 689/HĐTD ngày 11/4/2014 và phụ lục 01 ngày 12/8/2014, phụ lục 02 ngày 27/11/2014, phụ lục 03 ngày 15/09/2015. Tuy nhiên, Công ty NT xin gia hạn thời hạn đến ngày 30/9/2020 sẽ thanh toán hết số tiền gốc và lãi còn nợ và tiền lãi phát sinh. Nếu đến ngày 30/9/2020 mà Công ty NT không thanh toán nợ cho Ngân hàng thì Công ty NT đồng ý cho Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp theo các hợp đồng thế chấp, phụ lục hợp đồng thế chấp nêu trên để thu hồi nợ như nguyên đơn yêu cầu.

Do điều kiện Công ty NT đang kinh doanh nên không đồng ý cho Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ các tài sản đã thế chấp, hiện nay các tài sản thế chấp so với lúc ký hợp đồng thế chấp, phụ lục hợp đồng thế chấp thì không có gì thay đổi. Riêng đối với tài sản thế chấp là hàng hóa tồn kho hàng hóa tồn kho luân chuyển bao gồm tôm đông lạnh các loại với số lượng là 209.850kg giá trị tài sản là 56.751.000.000đồng theo Hợp đồng thế chấp số 1469/HĐTC ngày 12/6/2014 thì hiện nay đã không còn nhưng Công ty NT cam kết sẽ bổ sung tài sản khác để đảm bảo thi hành án. Ngoài ra, Công ty NT cam kết có trách nhiệm quản lý, gìn giữ, duy trì các tài sản đã thế chấp theo ba Hợp đồng thế chấp số 1286/HĐTC ngày 12/6/2014 + Phụ lục số 01 ngày 25/02/2015 được ký kết giữa Công ty NT với Ngân hàng; Hợp đồng thế chấp số 1287/HĐTC ngày 28/5/2014 + Phụ lục số 01 ngày 25/02/2015 của hợp đồng thế chấp của bên thứ ba (kèm theo hợp đồng thế chấp số 1287/HĐTC ngày 28/5/2014) + Danh mục tài sản thế chấp (đính kèm theo HĐTC tài sản của bên thứ ba số 1287/HĐTC và biên bản xác định giá trị tài sản số 1287A/BBĐG ngày 28/5/2014) được ký giữa Công ty KA với Ngân hàng; Hợp đồng thế chấp số 1469/HĐTC ngày 12/6/2014 và phụ lục số 01 ngày 05/9/2014 được ký giữa Công ty NT với Ngân hàng xác định lại tài sản thế chấp chỉ là hàng hóa tồn kho luân chuyển bao gồm tôm đông lạnh các loại với số lượng là 209.850kg giá trị tài sản là 56.751.000.000đồng để đảm bảo thi hành án sau này.

Tại đơn đề nghị ngày 03/7/2020 bị đơn trình bày: Vừa qua **Công ty NT** và Ngân hàng đã thỏa thuận đến ngày 30/9/2020, Công ty NT sẽ tìm nguồn để trả nợ cho Ngân hàng. Riêng đối với hàng hóa tồn kho thì đây là hàng hóa tồn kho luân chuyển bao gồm tôm đông lạnh các loại nên Công ty NT đang hoạt động kinh doanh nên về số lượng luôn thay đổi, Công ty NT đã bán để trả nợ cho nông dân và các đại lý cung cấp nguyên liệu, số hàng còn lại kém chất lượng và hư hỏng nhiều hiện nay không còn. Trong quá trình giải quyết vụ án thì Công ty NT và Ngân hàng đã thỏa thuận thời gian và phương án trả nợ, nhưng hiện nay Ngân hàng đã không đồng ý theo thỏa thuận do vậy Công ty NT cần thời gian để làm đơn phản tố yêu cầu Ngân hàng bồi thường thiệt hại. Lý do, vào năm 2014 khi nội bộ Công ty NT xảy ra tranh chấp, Ngân hàng đồng ý cho Công ty NT nợ hồ sơ pháp lý và gia hạn thời gian trả nợ đến năm 2018, nhưng sau đó không thực hiện và yêu cầu phải trả nợ và đưa Công ty NT xuống nợ nhóm 5. Vì vậy, Công ty NT đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm dừng phiên tòa xét xử sơ thẩm ngày 07/7/2020 để Công ty NT có thời gian để làm đơn phản tố yêu cầu Ngân hàng bồi thường thiệt hại như đã phân tích nêu trên.

- Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty KA trình bày: Công ty KA thống nhất hoàn toàn với lời trình bày của bị đơn Công ty NT. Trường hợp Công ty NT không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết trên thì Công ty KA đồng ý cho phát mãi tài sản đã thế chấp nêu trên như nguyên đơn yêu cầu.

Sự việc được Tòa án nhân dân thành phố X thụ lý, giải quyết. Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2020/KDTM-ST ngày 13 tháng 7 năm 2020 đã căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. *Tuyên xử:* 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Quản lý tài sản, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của nguyên đơn là Ngân hàng N. 2. Buộc bị đơn Công ty NT có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Công ty Quản lý tài sản, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của nguyên đơn là Ngân hàng N tạm tính đến ngày 07/7/2020, tổng số tiền gốc: 2,656,100.00USD; lãi trong hạn 401,209.51USD; lãi quá hạn: 87,535.63USD quy đổi ra Việt Nam đồng (tỷ giá 23.210) bằng tiền gốc 61.648.081.000đồng, lãi trong hạn 9.312.072.727đồng, lãi quá hạn 2.031.701.972đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 72.991.855.699đồng của hợp đồng tín dụng số 689/HĐTD ngày 11/4/2014 và phụ lục 01 ngày 12/8/2014; phụ lục 02 ngày 27/11/2014, phụ lục 03 ngày 15/9/2015 và các giấy nhận nợ: Số 1330/GNN, ngày 04/6/2014; số 1307/GNN, ngày 28/5/2014; số 1367/GNN, ngày 04/6/2014; số 1368/GNN, ngày 04/6/2014; số 1394/GNN, ngày 06/6/2014; số 1420/GNN, ngày 09/6/2014; số 1461/GNN, ngày 11/6/2014; số 1462/GNN, ngày 12/6/2014; số 1505/GNN, ngày 17/6/2014; số 1506/GNN, ngày 17/6/2014; số 1518/GNN, ngày 18/6/2014; số 1623/GNN, ngày 25/6/2014; số 1646/GNN, ngày 26/6/2014; số 1664/GNN, ngày 30/6/2014; số 1711/GNN, ngày 04/7/2014; số 1717/GNN, ngày 04/7/2014; số 1738/GNN, ngày 07/7/2014; số

1441/GNN, ngày 10/6/2014; số 2385/GNN, ngày 18/9/2014; số 2311/GNN, ngày 05/9/2014; số 2396/GNN, ngày 19/9/2014; số 2397/GNN, ngày 19/9/2014; số 2463/GNN, ngày 22/9/2014; 3. Kể từ ngày 08/7/2020 Công ty NT còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà Công ty NT phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng N cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng. 4. Khi án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn Công ty Quản lý tài sản, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn là Ngân hàng N có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty NT không thanh toán số tiền trên thì nguyên đơn Công ty Quản lý tài sản, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn là Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp để Ngân hàng thu hồi nợ, tài sản thế chấp là: 4.1. Hợp đồng thế chấp số 1286/HĐTC ngày 12/6/2014 + Phụ lục 01 ngày 25/2/2015 được ký kết giữa Công ty NT với Ngân hàng, tài sản thế chấp là tài sản gắn liền trên đất gồm: Nhà xưởng Công ty NT, địa chỉ ấp zz, thị trấn zz, huyện zz, tỉnh Sóc Trăng.; Hệ thống Panel kho lạnh được lắp đặt tại Công ty NT. Các tài sản trên được gắn liền với giấy CNQSD đất số X410158 do UBND tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 23/4/2004. Ngày 27/6/2007 UBND tỉnh Sóc Trăng đã ban hành quyết định số 92/QĐ-UBND thu hồi 7.281m<sup>2</sup> đã cho Công ty KA thuê và giao cho Công ty NT thuê theo hợp đồng thuê đất số 07/HĐTD ngày 09/8/2007. Đến ngày 20/9/2007 Công ty NT được UBND tỉnh Sóc Trăng cấp giấy CNQSD đất số AK 902015. Do đây là đất thuê nên không có thế chấp đất, chỉ thế chấp tài sản gắn liền trên đất. 4.2. Hợp đồng thế chấp số 1287/HĐTC ngày 28/5/2014 được ký giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn KA với Ngân hàng. + Phụ lục số 01 ngày 25/02/2015 của hợp đồng thế chấp của bên thứ ba (kèm theo hợp đồng thế chấp số 1287/HĐTC ngày 28/5/2014) + Danh mục tài sản thế chấp (đính kèm theo HĐTC tài sản của bên thứ ba số 1287/HĐTC và biên bản xác định giá trị tài sản số 1287A/BBĐG ngày 28/5/2014). Tài sản thế chấp là hệ thống máy móc thiết bị của Công ty KA hiện đặt tại ấp zz, thị trấn zz, huyện zz, tỉnh Sóc Trăng., danh mục thiết bị theo hợp đồng thế chấp đính kèm là: (có hóa đơn chứng từ mua hàng kèm theo)

STT	Hạng mục	Đvt	Số lượng	Chi tiết kỹ thuật
1	<b>Dây kệ thép chứa hàng</b>	Bộ	51	- Thép không rỉ
2	<b>Bảng chuyên phẳng IQF</b>	Bộ	3	- Hầm đông: + Kích thước (mm): 16.000 x 2.800 x 3.000 (D x R x C). + Hai mặt trong ngoài bằng inox dày 0.8 mm, đáy hầm gia cố lớp inox dày 0.2 mm; trần đáy, vách làm thành tấm panel ghép với nhau bằng móc khóa camlock. + Cửa hầm: 02 cái, kích thước (R x C) 900 x 1.800 (mm); hai mặt trong bằng inox dày 0.8

				mm - Bộ băng chuyền: + Băng tải là loại lưới inox, kích thước: 19.400 x 1.219 (D x R). + Moteur và giảm tốc kéo băng 1,5HP (Đức), biến tần điều khiển tốc độ do hãng DANTECH sản xuất. + Moteur và giảm tốc kéo rung (Singapore), biến tần điều khiển mức độ rung do hãng DANTECH sản xuất. + Khung băng chuyền được làm bằng inox - Dàn lạnh: + Kích thước: 4.400 x 1.200 x 600 (D x R x C) + Công suất: 38.000 Kcal/giờ + Moteur và cánh quạt: 2,5 HP, biến tần điều khiển tốc độ do hãng DANTECH sản xuất. + Khung và vách bao che bằng inox.
3	<b>Tủ cấp đông-1000kg (vỏ tủ đông)</b>	Cái	2	- Vỏ tủ đông: + Kích thước: 3900 x 1500 x 1750 mm + Trong ngoài bọc inox, khung tủ làm bằng sắt U + Công suất thiết kế 1000kg/mẻ + Công suất thực tế 777kg/mẻ + 432 khay loại nhôm 1,8kg + Đồng hồ nhiệt (Đức) - Vỉ lạnh: + Kích thước: 2600 x 1300 + 10 vỉ, sử dụng 9 vỉ + Bơm cấp dịch
4	<b>Máy phát điện AKSA</b>	Máy	1	- Model: ACQ1130 - Hãng sản xuất: Mỹ - Động cơ: Cummins QST30-G4 - Công suất (KVA): 1130 - Tần số (Hz): 50HZ - Tốc độ (vòng/phút): 1500 - Số pha: 3 pha - 4 dây - Điện áp: 230/400V - Kích thước: 446 x 176 x 231 - Trọng lượng: 7910
5	<b>Máy đá vảy (Flake Ice Maker)</b>	Cái	4	- Model: FI-15 - Công suất: 15 tấn/ngày - Chất lạnh: NH3 - Nguồn điện: 380V/3pha/50HZ - Xuất xứ: Đài Loan
6	<b>Hệ thống</b>	Bộ	1	- Thiết bị chính của hệ thống lạnh trung tâm

	<b>lạnh nhà máy cá (LC0013)</b>			<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Dàn lạnh hiệu York</li> <li>+ Model: TLCW 45 (Thái Lan)</li> <li>+ Máy nén lạnh</li> <li>+ Thiết bị ngưng tụ</li> <li>+ Thiết bị tách khí không ngưng tự động</li> <li>+ Bơm dịch</li> <li>+ Các thiết bị bình áp lực</li> <li>+ Hệ thống nước giải nhiệt cho dầu các máy nén và xả băng</li> <li>+ Tháp giải nhiệt</li> <li>+ Bơm nước giải nhiệt</li> <li>+ Bơm nước xả băng</li> <li>+ Van và các thiết bị điều khiển cho toàn bộ hệ thống</li> <li>+ Tủ điều khiển trung tâm cho toàn bộ hệ thống</li> <li>+ Vật liệu điện và phụ kiện</li> <li>+ Vật liệu đường ống</li> <li>+ Cách nhiệt hệ thống</li> <li>+ Ga và dầu lạnh</li> <li>+ Phụ kiện lắp đặt</li> <li>- Các thiết bị phụ tải lạnh của hệ thống</li> <li>+ Dây chuyền cấp đông IQF</li> <li>+ Kho lạnh</li> <li>+ Tủ đông tiếp xúc</li> <li>+ Tủ đông gió</li> <li>+ Máy đá vảy</li> </ul>
<b>7</b>	<b>Hệ thống bình bầu- 81234703-A</b>	Bộ	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bình thấp áp -44 độ C (1500 x 2500)</li> <li>- Bình thấp áp -33 độ C (1500 x 2500)</li> <li>- Bình trung gian 44 độ C (1500 x 2000)</li> <li>- Bình trung gian 33 độ C (1067 x 2000)</li> <li>- Bình surge drun (1067 x 2000)</li> <li>- Bình chứa cao áp (1250 x 2500)</li> <li>- Bình oil pot (273 x 380)</li> </ul>
<b>8</b>	<b>ĐDTT 3 pha 22KV dài 39m-Lắp mới TBA 1600KV &amp; TBA 800KV</b>	Bộ	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thi công ĐDTT 3 pha 22KV dài 39m</li> <li>- Lắp mới TBA 1600KV &amp; TBA 800 KV</li> </ul>
<b>9</b>	<b>Tủ điện</b>	Bộ	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Aptomat</li> <li>- Contactor</li> <li>- Role nhiệt</li> <li>- Đồng hồ A+ biến dòng</li> <li>- Role kiếng</li> <li>- Công tắc đồng hồ 220 - 240 V</li> </ul>

10	Hệ thống máy điều hòa	Bộ	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bơm Pentax 7,5HP (Italy)</li> <li>- Nhớt Clavus 68</li> <li>- Gas NH3</li> <li>- Bộ điều khiển nhiệt độ tự động EKC 201</li> </ul>
11	Hệ thống tải chế biến	Bộ	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm mua và đưa vào sử dụng 2006</li> <li>- Xuất xứ: Việt Nam</li> <li>- Kích thước máy nạp liệu (238,4 x 76 x 104)cm</li> <li>- Motor kéo băng tôm đã lột 0,37 Kw</li> <li>- Motor kéo băng tôm nguyên liệu 0,75 Kw</li> <li>- Vật liệu: Inox</li> </ul>
12	Tủ tái đông	Cái	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Motor 3HP</li> <li>- Cánh quạt nhôm</li> <li>- Contactor 3P 150A-LCID150M7</li> <li>- Thép không rỉ</li> </ul>
13	Hệ thống phân cỡ, kết nối đưa dữ liệu vào máy tính	Bộ	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cân điện tử model: KW9765DW2A</li> <li>- Serial: 4600061847-07Y</li> <li>- Bộ phận gạt model: KW4127SW</li> <li>- Serial: 4600061851-07Y</li> <li>- Bộ phận nạp model: 829H194660A</li> <li>- Serial: 4600061856-07Y</li> </ul>
14	Hệ thống phân cỡ kèm phụ kiện	Bộ	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cân điện tử model: KW9765DW2A</li> <li>- Serial: 4600055970</li> <li>- Serial: 4600055971</li> <li>- Bộ phận gạt model: KW4127SW</li> <li>- Serial: 4600055973</li> <li>- Serial: 4600055974</li> <li>- Bộ phận gạt model: 829H194660A</li> <li>- Serial: 4600055976</li> <li>- Serial: 4600055977</li> </ul>
15	Hệ thống phân cỡ kèm phụ tùng	Bộ	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cân điện tử model: KW9765DW2A</li> <li>- Bộ phận gạt model: KW4127SW</li> <li>- Bộ phận gạt model: 829H194660A</li> </ul>
16	Hệ thống phân cỡ kèm phụ tùng	Bộ	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cân điện tử model: KW9765DW2A</li> <li>- Bộ phận gạt model: KW4127SW</li> <li>- Bộ phận gạt model: 829H194660A</li> </ul>
17	Hệ thống phân cỡ kèm phụ tùng	Bộ	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cân điện tử model: KW9765DW2A</li> <li>- Bộ phận gạt model: KW4127SW</li> <li>- Bộ phận gạt model: 829H194660A</li> </ul>
18	Máy thổi khí	Cái	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Model: TSR2-150</li> <li>- Phụ kiện đi kèm: van 1 chiều, ống giảm thanh, đồng hồ, puli, khung đế</li> </ul>
19	Xe nâng Reach truck	Chiếc	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Model: 8FBR15TX</li> <li>- Tải trọng: 1.500kg (tâm tải 500 mmm)</li> </ul>

	<b>điện</b>			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nâng cao: 5.420 mm (3tầng nâng FFL), 1200 kg tại độ cao 5.420 mm</li> <li>- Chiều dài cang nâng: 1070mm</li> <li>- Độ rộng tổng quát: 1100 mm</li> <li>- Bình điện: 48V/280AH - 5Hrs GS Yuasa</li> <li>- Bộ sạc tiêu chuẩn Shinko, Nhật Bản</li> <li>- Vỏ xe: Bánh xe tiêu chuẩn (Urethane, cao su đặc)</li> <li>- Xuất xứ: Nhật Bản</li> </ul>
<b>20</b>	<b>Băng tải chuyên cá</b>	Bộ	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm lắp đặt và đưa vào sử dụng: 2008</li> <li>- Xuất xứ: Việt Nam</li> <li>- Nhãn hiệu: Việt Nam</li> <li>- Vật liệu: Inox</li> <li>- Kích thước: (10200x 1200 x 500)mm</li> <li>- Kích thước mặt băng: 300 mm</li> <li>- Mặt băng tole dày 12 ly có kích thước (1000 x 350) mm</li> <li>- Motor: 0,75 Kw</li> </ul>
<b>21</b>	<b>Băng tải chuyên rửa cá</b>	Bộ	10	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Motor giảm tốc 3hp, 1/30, 380V (Nhật Bản)</li> </ul>
<b>22</b>	<b>Hệ thống xử lý nước</b>	Bộ	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bơm nước 7,5HP (Italy), 3x380V, Q&gt;10mg</li> <li>- Model: MD 65125/5,5</li> <li>- Motor giảm tốc 1HP (1/25) 3Q 220/380V</li> <li>- Ray mực nước</li> <li>- Bộ nguồn, còi 12 V</li> </ul>

**4.3.** Hợp đồng thế chấp số 1469/HĐTC ngày 12/6/2014 được ký giữa Công ty NT với Ngân hàng. Tài sản thế chấp là toàn bộ hàng hóa (tôm đông lạnh các loại) bao gồm: Hàng hóa tồn kho nguyên liệu, hàng hóa đang trong quá trình chế biến, hàng hóa tồn kho thành phẩm, hàng hóa ký gửi, hàng hóa đang đi trên đường của Công ty NT, địa chỉ ấp zz, thị trấn zz, huyện zz, tỉnh Sóc Trăng. và phụ lục số 01 ngày 05/9/2014 giữa các bên đã ký phụ lục số 01 xác định lại tài sản thế chấp chỉ là hàng hóa tồn kho luân chuyển bao gồm tôm đông lạnh các loại với số lượng là 209.850kg giá trị tài sản là 56.751.000.000đồng. Đối với tài sản thế chấp là hàng hóa tồn kho luân chuyển bao gồm tôm đông lạnh các loại với số lượng là 209.850kg giá trị tài sản là 56.751.000.000đồng do bị đơn đã tự ý bán để trả các khoản nợ cho người nông dân, đại lý cung cấp tôm. Vì vậy, nếu đến giai đoạn thi hành án mà giá trị tài sản thế chấp không còn đủ giá trị bảo đảm thì nguyên đơn được quyền yêu cầu phát mãi tài sản khác có giá trị tương đương giá trị tài sản đã thế chấp là 56.751.000.000đồng để nguyên đơn thu hồi nợ. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 28/7/2020, bị đơn Công ty NT có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm nêu trên, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.



Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Công ty Quản lý tài sản T (V) do Ngân hàng N là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng không rút lại đơn khởi kiện; bị đơn Công ty NT vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Luật sư **Nguyễn Huy K** trình bày tranh luận cho rằng Công ty NT vi phạm hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp và Tòa án cấp sơ thẩm không vi phạm thủ tục tố tụng cũng như nội dung, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn **Công ty NT** trình bày tranh luận cho rằng Công ty NT đã thực hiện đúng hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp. Tuy nhiên, Ngân hàng đồng ý cho Công ty nợ hồ sơ pháp lý và gia hạn thời gian trả nợ đến năm 2018, sau đó không thực hiện và yêu cầu phải trả nợ và đưa Công ty NT xuống nợ nhóm 5. Mặc khác, khi Công ty bán hàng hóa tồn kho thì Ngân hàng biết và không thu hồi nợ, hàng tồn kho đã bán và trả nợ nên không còn, nên coi đây là tài sản thế chấp thành tín chấp. Ngoài ra, Tòa cấp sơ thẩm không đưa bà L tham gia tố tụng và các vi phạm khác theo đơn kháng cáo, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc tuân thủ, chấp hành pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm của Viện Kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, từ đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo là đúng theo quy định tại các Điều 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo của bị đơn Công ty NT là hợp lệ và đúng theo luật định.

[2] Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng toàn bộ kháng cáo của Công ty NT về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án do Tòa án cấp sơ thẩm có nhiều sai phạm về tố tụng cũng như áp dụng sai lầm các quy định pháp luật, dẫn đến bản án sơ thẩm không đảm bảo công bằng, khách quan là không có căn cứ để chấp nhận, bởi các lý do sau:

[3] Công ty NT kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ dựa vào lời trình bày một phía của Ngân hàng N cho rằng Công ty NT không hợp tác với Ngân hàng khi kiểm tra tài sản thế chấp, tự ý bán tài sản thế chấp mà không thông báo và không

dùng số tiền bán tài sản thế chấp này trả cho Ngân hàng, nên đến giai đoạn thi hành án mà giá trị tài sản thế chấp không còn đủ giá trị bảo đảm thì Ngân hàng được quyền yêu cầu phát mãi tài sản có giá trị tương đương giá để thu hồi nợ. Trong khi đó, tại thời điểm ký hợp đồng thế chấp số 1469/HĐTC ngày 12/6/2014 nội bộ Công ty NT, Công ty KA đã xảy ra tranh chấp và Tòa án đang thụ lý, giải quyết vụ kiện. Ngân hàng và Công ty NT đã thống nhất cho Công ty NT nợ pháp lý và gia hạn nợ để đợi kết quả vụ kiện tranh chấp thành viên. Đồng thời, Ngân hàng cũng đồng ý cho Công ty NT bán hàng tồn kho để trả nợ cho nông dân và đại lý cung cấp tôm. Điều này được thể hiện qua việc khi nguồn tiền xuất khẩu hàng tồn kho của Công ty NT về tài khoản của Ngân hàng thì Ngân hàng không thu hồi nợ mà còn cho Công ty NT dùng nguồn tiền đó để trả nợ. Xét thấy, các bên đều thừa nhận hiện nay tài sản thế chấp theo nội dung hợp đồng thế chấp số 1469/HĐTC ngày 12/6/2014 và phụ lục số 01 ngày 05/9/2014 được ký kết giữa Công ty NT với Ngân hàng là hàng hóa tồn kho luân chuyển bao gồm tôm đông lạnh các loại với số lượng là 209.850kg (giá trị là 56.751.000.000đồng) đã không còn, do Công ty NT đã bán để trả các khoản nợ cho người nông dân, đại lý cung cấp tôm. Theo quy định tại khoản 4 Điều 348 và khoản 3 Điều 349 Bộ luật Dân sự năm 2005, bên thế chấp tài sản *không được bán, trao đổi, tặng cho tài sản thế chấp, trừ trường hợp tài sản đó là hàng hoá luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh; trong trường hợp bán tài sản thế chấp là hàng hoá luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh thì quyền yêu cầu bên mua thanh toán tiền, số tiền thu được hoặc tài sản hình thành từ số tiền thu được trở thành tài sản thế chấp thay thế cho tài sản đã bán*; theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm, *trong trường hợp bên thế chấp bán, trao đổi tài sản thế chấp là hàng hoá luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh trong phạm vi hoạt động sản xuất, kinh doanh của bên thế chấp thì bên mua, bên nhận trao đổi có quyền sở hữu đối với tài sản đó*. Như vậy, việc Công ty NT (bên thế chấp) bán tài sản thế chấp là hàng hóa tồn kho luân chuyển bao gồm tôm đông lạnh các loại với số lượng là 209.850kg có được sự đồng ý của Ngân hàng (bên nhận thế chấp) hay không thì không có ý nghĩa gì trong trường hợp này, vì việc bán tài sản thế chấp này là quyền của Công ty NT không đòi hỏi Ngân hàng có đồng ý hay không; nếu Ngân hàng đồng ý cho Công ty NT bán tài sản thế chấp này cho người khác thì cũng không có nghĩa đây là sự thỏa thuận của Ngân hàng với Công ty NT về việc chấm dứt thế chấp tài sản đối với tài sản thế chấp này theo quy định tại khoản 4 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2005. Ở đây việc thế chấp tài sản giữa các bên vẫn được duy trì, số tiền thu được từ việc bán tài sản thế chấp này hoặc tài sản hình thành từ số tiền thu được này trở thành tài sản thế chấp thay thế cho tài sản thế chấp mà Công ty NT đã bán. Tuy số tiền thu được từ việc bán tài sản thế chấp này không còn tồn tại do đã được Công ty NT sử dụng để trả các khoản nợ cho người nông dân, đại lý cung cấp tôm nhưng thông qua việc trả nợ này Công ty NT mới có thể tiếp tục hoạt động sản xuất, kinh doanh và duy trì, bảo vệ các tài sản khác của mình; vì vậy việc xác định các tài sản khác của Công ty NT (không bao gồm các tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng) tương đương số tiền 56.751.000.000đồng là tài sản thế chấp thay thế cho tài sản thế chấp mà Công ty NT đã bán là phù hợp. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử trong trường hợp tại giai đoạn thi hành án mà giá trị tài sản thế chấp không còn đủ giá trị bảo đảm thì nguyên

đơn được quyền yêu cầu phát mãi tài sản khác của Công ty NT có giá trị tương đương số tiền 56.751.000.000 đồng để nguyên đơn thu hồi nợ là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về vấn đề Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành thủ tục thẩm định, định giá tài sản thế chấp theo quy định tại Điều 101, Điều 104 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã có tiến hành các thủ tục để xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp nhưng Công ty NT không hợp tác, không đồng ý cho Tòa án tiến hành việc xem xét, thẩm định tại chỗ thông qua việc mặc dù được Tòa án thông báo về thời điểm tiến hành việc xem xét, thẩm định tại chỗ nhiều lần, nhưng người đại diện theo pháp luật của Công ty NT luôn cố tình vắng mặt, bảo vệ của Công ty NT thì khóa cửa không cho Tòa án vào nơi có tài sản thế chấp... (theo nội dung Biên bản (về việc không tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ được) ngày 01/11/2017 của TAND huyện x tại Bút lục số 282-283, 03 Biên bản không tiến hành việc xem xét, thẩm định tại chỗ được cùng ngày 12/02/2019 của TAND thành phố X tại Bút lục số 338-349, 03 Biên bản không tiến hành việc xem xét, thẩm định tại chỗ được cùng ngày 14/3/2019 của TAND thành phố X tại Bút lục số 365-376). Trong trường hợp này Công ty NT đã có hành vi cản trở người tiến hành tố tụng tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định tại khoản 3 Điều 101 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì có thể bị xử lý theo quy định tại khoản 6 Điều 489 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, *người nào có hành vi cản trở người tiến hành tố tụng tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ... do Bộ luật này quy định thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà có thể bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.* Từ đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành thủ tục thẩm định, định giá tài sản thế chấp xuất phát từ việc Công ty NT không hợp tác, không đồng ý cho Tòa án tiến hành việc xem xét, thẩm định tại chỗ là không vi phạm tố tụng.

[5] Đối với vấn đề Công ty NT cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không ghi nhận sự thỏa thuận về thời điểm trả nợ giữa Công ty NT và Ngân hàng là không đảm bảo quyền lợi của Công ty NT, thấy rằng: Vào ngày 20/11/2019 Tòa án cấp sơ thẩm có tổ chức hòa giải, tại buổi hòa giải này giữa Công ty NT và Ngân hàng thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án theo đó Công ty NT đồng ý đến ngày 30/9/2020 sẽ thanh toán hết các khoản nợ cho Ngân hàng (theo nội dung Biên bản hòa giải ngày 20/11/2019 tại Bút lục số 464-482), từ đó Tòa án cấp sơ thẩm lập Biên bản hòa giải thành ngày 20/11/2019 tại Bút lục số 499-504 ghi nhận sự thỏa thuận này của các bên, trong đó có nội dung *trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, nếu đương sự nào có thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận trên đây, thì phải làm thành văn bản gửi cho Tòa án. Hết thời hạn này, nếu không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó, thì Tòa án ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự và quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.* Đến ngày 26/11/2019 Công ty NT có Đơn giải trình v/v thay đổi nội dung biên bản hòa giải ngày 20/11/2019 gửi cho Tòa án cấp sơ thẩm, nên các nội dung thỏa thuận giữa Công ty NT và Ngân hàng tại buổi hòa giải ngày 20/11/2019 không có giá trị ràng buộc bắt kỳ bên nào; tại phiên tòa sơ thẩm Công ty NT xin gia hạn đến ngày 30/9/2020 sẽ có phương án trả nợ cho Ngân hàng, đây chỉ là ý kiến của riêng Công ty NT chứ Ngân

hàng không đồng ý, nên đây cũng không phải là sự thỏa thuận giữa các bên nên Tòa án cấp sơ thẩm không ghi nhận về vấn đề này là có căn cứ.

[6] Về việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử *Kể từ ngày 08/7/2020 Công ty NT còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà Công ty NT phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng N cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và theo quy định tại Điều 4 Hợp đồng tín dụng số 689/HĐTD ngày 11/4/2014, lãi suất được áp dụng là lãi suất biến đổi sẽ được điều chỉnh khi chính sách về lãi suất của Ngân hàng N có thay đổi. Tuy nhiên, phiên tòa sơ thẩm mở ngày 07/7/2020 và tuyên án ngày 13/7/2020 nên ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm được xác định là ngày 14/7/2020 nhưng quyết định của án sơ thẩm tuyên ngày 08/7/2020 là có sai sót; xét thấy sai sót này của Tòa án cấp sơ thẩm là do nhầm lẫn, không cần thiết phải sửa án nên Tòa án cấp phúc thẩm điều chỉnh lại trong quyết định của án phúc thẩm cho phù hợp.*

[7] Còn về việc Công ty NT cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không tạm ngừng phiên tòa sơ thẩm để tạo điều kiện cho Công ty NT làm đơn phản tố yêu cầu Ngân hàng bồi thường thiệt hại mà vẫn tiếp tục giải quyết vụ án, bỏ qua quyền lợi của đương sự. Xét thấy, theo quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về quyền yêu cầu phản tố của bị đơn, *bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.* Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu tạm ngừng phiên tòa để Công ty NT làm đơn phản tố yêu cầu Ngân hàng bồi thường thiệt hại là có căn cứ.

[8] Tại đơn khiếu nại ngày 14/9/2020, Văn bản giải trình “v/v hợp tác kinh doanh” ngày 05/10/2020, văn bản giải trình “v/v Cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án” ngày 05/11/2020 của bà Nguyễn Thị Mỹ L và tại phiên tòa phúc thẩm ông Lê Bá T là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho rằng Hợp đồng thế chấp số 1286/HĐTC ngày 12/6/2014, phụ lục 01 ngày 25/02/2015 được ký kết giữa Ngân hàng với Công ty thì Công ty NT có ký hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHTKD-2015 ngày 01/9/2015 với bà L, sau đó bà L có xây dựng khoảng 5.234 m<sup>2</sup>. Xét thấy, Sau khi thụ lý vụ án số 56/2017/KDTM- ST ngày 31/8/2017 đến ngày 13/7/2020 Tòa án nhân dân thành phố X xét xử sơ thẩm là trên 03 năm, Công ty NT không đề cập đến việc hợp tác với bà

Nguyễn Thị Mỹ L và phía đại diện Công ty cũng xác định tài sản thế chấp không có gì thay đổi so với thời điểm ký hợp đồng (BL số 441) và trong suốt quá trình giải quyết thì Công ty NT không cho Tòa án nhân dân thành phố X tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và sau khi xét xử sơ thẩm thì bà L mới khiếu nại, nên cấp sơ thẩm xét xử không biết và không đưa bà L tham gia tố tụng là không vi phạm thủ tục tố tụng cũng như kháng cáo của Công ty NT cũng không khiếu nại việc này. Tuy nhiên, bà L cho rằng bà bỏ vốn xây dựng hoàn chỉnh nhà xưởng NT với rất nhiều hạn mục, tạo thành một hệ thống có kết cấu bền vững và không thể tách rời được nếu có thì tách thành vụ án khác nếu bà L có yêu cầu.

[9] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của Công ty NT và căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[10] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng và của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn tại phiên tòa là không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[12] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tại cấp phúc thẩm với số tiền 102.120.000 đồng: Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên **Công ty NT** phải chịu toàn bộ chi phí này theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[13] Về án phí phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên **Công ty NT** phải chịu án phí phúc thẩm với số tiền là 2.000.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Vì các lẽ trên;***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên NT.

- Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2020/KDTM-ST ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố X như sau:

*Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 91, Điều 95*

*Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý tài sản T, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của nguyên đơn là Ngân hàng N.

**2.** Buộc bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên NT có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý tài sản T, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của nguyên đơn là Ngân hàng N tạm tính đến ngày 07/7/2020, tổng số tiền gốc: 2,656,100.00USD; lãi trong hạn 401,209.51USD; lãi quá hạn: 87,535.63USD quy đổi ra Việt Nam đồng (tỷ giá 23.210) bằng tiền gốc 61.648.081.000đồng, lãi trong hạn 9.312.072.727đồng, lãi quá hạn 2.031.701.972đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 72.991.855.699đồng (*Bảy mươi hai tỷ chín trăm chín mươi một triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn sáu trăm chín mươi chín đồng*) của Hợp đồng tín dụng số 689/HĐTD ngày 11/4/2014 và phụ lục 01 ngày 12/8/2014; phụ lục 02 ngày 27/11/2014, phụ lục 03 ngày 15/9/2015 và các giấy nhận nợ: Số 1330/GNN, ngày 04/6/2014; số 1307/GNN, ngày 28/5/2014; số 1367/GNN, ngày 04/6/2014; số 1368/GNN, ngày 04/6/2014; số 1394/GNN, ngày 06/6/2014; số 1420/GNN, ngày 09/6/2014; số 1461/GNN, ngày 11/6/2014; số 1462/GNN, ngày 12/6/2014; số 1505/GNN, ngày 17/6/2014; số 1506/GNN, ngày 17/6/2014; số 1518/GNN, ngày 18/6/2014; số 1623/GNN, ngày 25/6/2014; số 1646/GNN, ngày 26/6/2014; số 1664/GNN, ngày 30/6/2014; số 1711/GNN, ngày 04/7/2014; số 1717/GNN, ngày 04/7/2014; số 1738/GNN, ngày 07/7/2014; số 1441/GNN, ngày 10/6/2014; số 2385/GNN, ngày 18/9/2014; số 2311/GNN, ngày 05/9/2014; số 2396/GNN, ngày 19/9/2014; số 2397/GNN, ngày 19/9/2014; số 2463/GNN, ngày 22/9/2014;

**3.** Kể từ ngày 14/7/2020 bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên NT còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên NT phải tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý tài sản T, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của nguyên đơn là Ngân hàng N cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng N.

**4.** Khi án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý tài sản T, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của nguyên đơn là Ngân hàng N có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên NT không thanh toán số tiền trên thì nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý tài sản T, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của nguyên đơn là Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, tài sản thế chấp là:

**4.1.** Hợp đồng thế chấp số 1286/HĐTC ngày 12/6/2014 + Phụ lục 01 ngày 25/2/2015 được ký kết giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên NT với Ngân hàng N - Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng, tài sản thế chấp là tài sản gắn liền trên đất gồm: Nhà xưởng Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên NT, địa chỉ: Ấp zz, thị trấn zz, huyện zz, tỉnh Sóc Trăng.; Hệ thống Panel kho lạnh được lắp đặt tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên NT. Các tài sản trên được gắn liền với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X410158 do Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 23/4/2004. Ngày 27/6/2007 Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã ban hành quyết định số 92/QĐ-UBND thu hồi 7.281m<sup>2</sup> đã cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn KA thuê và giao cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên NT thuê theo hợp đồng thuê đất số 07/HĐTD ngày 09/8/2007. Đến ngày 20/9/2007 Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên NT được Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 902015. Do đây là đất thuê nên không có thể chấp đất, chỉ thế chấp tài sản gắn liền trên đất.

**4.2.** Hợp đồng thế chấp số 1287/HĐTC ngày 28/5/2014 được ký giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn KA với Ngân hàng N - Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng. + Phụ lục số 01 ngày 25/02/2015 của hợp đồng thế chấp của bên thứ ba (kèm theo hợp đồng thế chấp số 1287/HĐTC ngày 28/5/2014) + Danh mục tài sản thế chấp (đính kèm theo HĐTC tài sản của bên thứ ba số 1287/HĐTC và biên bản xác định giá trị tài sản số 1287A/BBĐG ngày 28/5/2014).

Tài sản thế chấp là hệ thống máy móc thiết bị của Công ty Trách nhiệm hữu hạn KA hiện đặt tại ấp zz, thị trấn zz, huyện zz, tỉnh Sóc Trăng., danh mục thiết bị theo hợp đồng thế chấp đính kèm là: (có hóa đơn chứng từ mua hàng kèm theo)

STT	Hạng mục	Đvt	Số lượng	Chi tiết kỹ thuật
1	<b>Dây kệ thép chứa hàng</b>	Bộ	51	- Thép không rỉ
2	<b>Băng chuyền phẳng IQF</b>	Bộ	3	- Hầm đông: + Kích thước (mm): 16.000 x 2.800 x 3.000 (D x R x C). + Hai mặt trong ngoài bằng inox dày 0.8 mm, đáy hầm gia cố lớp inox dày 0.2 mm; trần đáy, vách làm thành tám panel ghép với nhau bằng móc khóa camlock. + Cửa hầm: 02 cái, kích thước (R x C) 900 x 1.800 (mm); hai mặt trong bằng inox dày 0.8 mm - Bộ băng chuyền: + Băng tải là loại lưới inox, kích thước: 19.400 x 1.219 (D x R). + Moteur và giảm tốc kéo băng 1,5HP (Đức), biến tần điều khiển tốc độ do hãng DANTECH sản xuất. + Moteur và giảm tốc kéo rung (Singapore),

				biến tần điều khiển mức độ rung do hãng DANTECH sản xuất. + Khung băng chuyên được làm bằng inox - Dàn lạnh: + Kích thước: 4.400 x 1.200 x 600 (D x R x C) + Công suất: 38.000 Kcal/giờ + Moteur và cánh quạt: 2,5 HP, biến tần điều khiển tốc độ do hãng DANTECH sản xuất. + Khung và vách bao che bằng inox.
3	<b>Tủ cấp đông-1000kg (vỏ tủ đông)</b>	Cái	2	- Vỏ tủ đông: + Kích thước: 3900 x 1500 x 1750 mm + Trong ngoài bọc inox, khung tủ làm bằng sắt U + Công suất thiết kế 1000kg/mẻ + Công suất thực tế 777kg/mẻ + 432 khay loại nhôm 1,8kg + Đồng hồ nhiệt (Đức) - Tủ lạnh: + Kích thước: 2600 x 1300 + 10 vỉ, sử dụng 9 vỉ + Bơm cấp dịch
4	<b>Máy phát điện AKSA</b>	Máy	1	- Model: ACQ1130 - Hãng sản xuất: Mỹ - Động cơ: Cummins QST30-G4 - Công suất (KVA): 1130 - Tần số (Hz): 50HZ - Tốc độ (vòng/phút): 1500 - Số pha: 3 pha - 4 dây - Điện áp: 230/400V - Kích thước: 446 x 176 x 231 - Trọng lượng: 7910
5	<b>Máy đá vẩy (Flake Ice Maker)</b>	Cái	4	- Model: FI-15 - Công suất: 15 tấn/ngày - Chất lạnh: NH3 - Nguồn điện: 380V/3pha/50HZ - Xuất xứ: Đài Loan
6	<b>Hệ thống lạnh nhà máy cá (LC0013)</b>	Bộ	1	- Thiết bị chính của hệ thống lạnh trung tâm + Dàn lạnh hiệu York + Model: TLCW 45 (Thái Lan) + Máy nén lạnh + Thiết bị ngưng tụ + Thiết bị tách khí không ngưng tự động + Bơm dịch + Các thiết bị bình áp lực + Hệ thống nước giải nhiệt cho dầu các máy



				nén và xả băng + Tháp giải nhiệt + Bơm nước giải nhiệt + Bơm nước xả băng + Van và các thiết bị điều khiển cho toàn bộ hệ thống + Tủ điều khiển trung tâm cho toàn bộ hệ thống + Vật liệu điện và phụ kiện + Vật liệu đường ống + Cách nhiệt hệ thống + Ga và dầu lạnh + Phụ kiện lắp đặt - Các thiết bị phụ tải lạnh của hệ thống + Dây chuyền cấp đông IQF + Kho lạnh + Tủ đông tiếp xúc + Tủ đông gió + Máy đá vảy
7	Hệ thống bình bầu-81234703-A	Bộ	1	- Bình thấp áp -44 độ C (1500 x 2500) - Bình thấp áp -33 độ C (1500 x 2500) - Bình trung gian 44 độ C (1500 x 2000) - Bình trung gian 33 độ C (1067 x 2000) - Bình surge drun (1067 x 2000) - Bình chứa cao áp (1250 x 2500) - Bình oil pot (273 x 380)
8	ĐDTT 3 pha 22KV dài 39m-Lắp mới TBA 1600KV & TBA 800KV	Bộ	1	- Thi công ĐDTT 3 pha 22KV dài 39m - Lắp mới TBA 1600KV & TBA 800 KV
9	Tủ điện	Bộ	1	- Aptomat - Contactor - Role nhiệt - Đồng hồ A+ biến dòng - Role kiếng - Công tắc đồng hồ 220 - 240 V
10	Hệ thống máy điều hòa	Bộ	1	- Bơm Pentax 7,5HP (Italy) - Nhớt Clavus 68 - Gas NH3 - Bộ điều khiển nhiệt độ tự động EKC 201
11	Hệ thống tải chế biến	Bộ	1	- Năm mua và đưa vào sử dụng 2006 - Xuất xứ: Việt Nam - Kích thước máy nạp liệu (238,4 x 76 x 104)cm

				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Motor kéo băng tôm đã lột 0,37 Kw</li> <li>- Motor kéo băng tôm nguyên liệu 0,75 Kw</li> <li>- Vật liệu: Inox</li> </ul>
12	Tủ tái đông	Cái	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Motor 3HP</li> <li>- Cánh quạt nhôm</li> <li>- Contactor 3P 150A-LCID150M7</li> <li>- Thép không rỉ</li> </ul>
13	Hệ thống phân cỡ, kết nối đưa dữ liệu vào máy tính	Bộ	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cân điện tử model: KW9765DW2A</li> <li>- Serial: 4600061847-07Y</li> <li>- Bộ phận gạt model: KW4127SW</li> <li>- Serial: 4600061851-07Y</li> <li>- Bộ phận nạp model: 829H194660A</li> <li>- Serial: 4600061856-07Y</li> </ul>
14	Hệ thống phân cỡ kèm phụ kiện	Bộ	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cân điện tử model: KW9765DW2A</li> <li>- Serial: 4600055970</li> <li>- Serial: 4600055971</li> <li>- Bộ phận gạt model: KW4127SW</li> <li>- Serial: 4600055973</li> <li>- Serial: 4600055974</li> <li>- Bộ phận gạt model: 829H194660A</li> <li>- Serial: 4600055976</li> <li>- Serial: 4600055977</li> </ul>
15	Hệ thống phân cỡ kèm phụ tùng	Bộ	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cân điện tử model: KW9765DW2A</li> <li>- Bộ phận gạt model: KW4127SW</li> <li>- Bộ phận gạt model: 829H194660A</li> </ul>
16	Hệ thống phân cỡ kèm phụ tùng	Bộ	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cân điện tử model: KW9765DW2A</li> <li>- Bộ phận gạt model: KW4127SW</li> <li>- Bộ phận gạt model: 829H194660A</li> </ul>
17	Hệ thống phân cỡ kèm phụ tùng	Bộ	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cân điện tử model: KW9765DW2A</li> <li>- Bộ phận gạt model: KW4127SW</li> <li>- Bộ phận gạt model: 829H194660A</li> </ul>
18	Máy thổi khí	Cái	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Model: TSR2-150</li> <li>- Phụ kiện đi kèm: van 1 chiều, ống giảm thanh, đồng hồ, puli, khung đế</li> </ul>
19	Xe nâng Reach truck điện	Chiếc	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Model: 8FBR15TX</li> <li>- Tải trọng: 1.500kg (tâm tải 500 mmm)</li> <li>- Nâng cao: 5.420 mm (3tầng nâng FFL), 1200 kg tại độ cao 5.420 mm</li> <li>- Chiều dài càng nâng: 1070mm</li> <li>- Độ rộng tổng quát: 1100 mm</li> <li>- Bình điện: 48V/280AH - 5Hrs GS Yuasa</li> <li>- Bộ sạc tiêu chuẩn Shinko, Nhật Bản</li> <li>- Vỏ xe: Bánh xe tiêu chuẩn (Urethane, cao su đặc)</li> </ul>

				- Xuất xứ: Nhật Bản
20	Băng tải chuyên cá	Bộ	1	- Năm lắp đặt và đưa vào sử dụng: 2008 - Xuất xứ: Việt Nam - Nhân hiệu: Việt Nam - Vật liệu: Inox - Kích thước: (10200x 1200 x 500)mm - Kích thước mặt băng: 300 mm - Mặt bằng tole dày 12 ly có kích thước (1000 x 350) mm - Motor: 0,75 Kw
21	Băng tải chuyên rửa cá	Bộ	10	- Motor giảm tốc 3hp, 1/30, 380V (Nhật Bản)
22	Hệ thống xử lý nước	Bộ	1	- Bơm nước 7,5HP (Italy), 3x380V, Q>10mg - Model: MD 65125/5,5 - Motor giảm tốc 1HP (1/25) 3Q 220/380V - Ray mực nước - Bộ nguồn, còi 12 V

**4.3.** Hợp đồng thế chấp số 1469/HĐTC ngày 12/6/2014 được ký giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên NT với Ngân hàng N - Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng. Tài sản thế chấp là toàn bộ hàng hóa (tôm đông lạnh các loại) bao gồm: Hàng hóa tồn kho nguyên liệu, hàng hóa đang trong quá trình chế biến, hàng hóa tồn kho thành phẩm, hàng hóa ký gửi, hàng hóa đang đi trên đường của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên NT, địa chỉ: Ấp zz, thị trấn zz, huyện zz, tỉnh Sóc Trăng. và phụ lục số 01 ngày 05/9/2014 giữa các bên đã ký phụ lục số 01 xác định lại tài sản thế chấp chỉ là hàng hóa tồn kho luân chuyển bao gồm tôm đông lạnh các loại với số lượng là 209.850kg giá trị tài sản là 56.751.000.000đồng (*Năm mươi sáu tỷ bảy trăm năm mươi một triệu đồng*). Đối với tài sản thế chấp là hàng hóa tồn kho luân chuyển bao gồm tôm đông lạnh các loại với số lượng là 209.850kg giá trị tài sản là 56.751.000.000đồng (*Năm mươi sáu tỷ bảy trăm năm mươi một triệu đồng*) do bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên NT đã tự ý bán để trả các khoản nợ cho người nông dân, đại lý cung cấp tôm. Vì vậy, nếu đến giai đoạn thi hành án mà giá trị tài sản thế chấp không còn đủ giá trị bảo đảm thì nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý tài sản T, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của nguyên đơn là Ngân hàng N được quyền yêu cầu phát mãi tài sản khác của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên NT có giá trị tương đương giá trị tài sản đã thế chấp là 56.751.000.000đồng (*Năm mươi sáu tỷ bảy trăm năm mươi một triệu đồng*) để thu hồi nợ.

## 5. Án phí sơ thẩm:

**5.1.** Nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý tài sản T, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của nguyên đơn là Ngân hàng N không phải chịu án phí sơ thẩm và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 84.808.700đồng (*Tám mươi bốn triệu tám trăm lẻ tám nghìn bảy trăm đồng*) theo

Biên lai thu số 0007848 ngày 23 tháng 8 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng.

**5.2.** Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên NT phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền là 180.991.856 đồng (*Một trăm tám mươi triệu chín trăm chín mươi một nghìn tám trăm năm mươi sáu đồng*).

6. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tại cấp phúc thẩm: Công ty NT phải chịu 102.120.000 đồng, phần tiền này Công ty NT đã nộp xong.

7. Án phí phúc thẩm: Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên NT phải chịu án phí phúc thẩm với số tiền là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) theo Biên lai thu số 0004527 ngày 03 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng. Như vậy, bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên NT đã thực hiện xong nghĩa vụ chịu án phí phúc thẩm.

- Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự (11);
- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01);
- TAND thành phố X (01);
- Chi cục THADS thành phố X (01);
- Phòng KTNV-THA (01);
- Lưu: HSPA - VP (02).

**Hồ Văn Phụng**